

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **1435**/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày **19** tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quyết toán hoàn thành nhiệm vụ Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Trung tâm đô thị Phố Quang, thị xã Đức Phổ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 953/QĐ-UBND ngày 06/12/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Trung tâm đô thị Phố Quang, huyện Đức Phổ;

Căn cứ Quyết định số 214/QĐ-UBND ngày 09/4/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung đô thị Đức Phổ đến năm 2035 và phê duyệt đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Trung tâm đô thị Phố Quang, thị xã Đức Phổ;

Theo đề nghị của UBND thị xã Đức Phổ tại Tờ trình số 78/TTr-UBND ngày 28/6/2022; đề xuất của Giám đốc Sở Tài chính tại Báo cáo thẩm tra số 244/BC-STC ngày 11/10/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán nhiệm vụ quy hoạch hoàn thành

- Tên nhiệm vụ: Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Trung tâm đô thị Phố Quang, thị xã Đức Phổ.

- Chủ đầu tư: UBND thị xã Đức Phổ.
- Thời gian khởi công tháng 02/2020 - hoàn thành tháng 4/2021.

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Chi phí đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc dự toán phê duyệt lần cuối	Giá trị quyết toán
Tổng số	3.742.393.000	3.579.065.512
Chi phí lập đồ án quy hoạch và khảo sát	2.569.532.000	2.569.532.000
Chi phí liên quan đến quá trình lập đồ án quy hoạch	1.009.739.151	1.009.533.512
Dự phòng:	163.121.849	0

(Chi tiết có Phụ lục I kèm theo)

2. Nguồn vốn đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nguồn vốn	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc dự toán phê duyệt lần cuối	Giá trị phê duyệt quyết toán	Đã thanh toán	Còn được thanh toán
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)-(4)
Tổng số	3.742.393.000	3.579.065.512	3.579.065.512	0
Ngân sách tỉnh	3.742.393.000	3.579.065.512	3.579.065.512	0

3. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Công trình thuộc chủ đầu tư quản lý		Công trình giao đơn vị khác quản lý	
	Thực tế	Quy đổi	Thực tế	Quy đổi
Tổng số	3.579.065.512		0	
1. Tài sản cố định	3.579.065.512		0	
2. Tài sản lưu động	0		0	

4. Chi phí đầu tư thiệt hại được phép không tính vào giá trị tài sản: 0 đồng.

a) Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: 0 đồng.

b) Chi phí không tạo nên tài sản: 0 đồng.

5. Vật tư thiết bị tồn đọng: Không có

Điều 3. Trách nhiệm của Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan

1. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

a) Được phép tất toán chi phí và vốn đầu tư là:

Nguồn vốn	Số tiền (đồng)	Ghi chú
Tổng cộng	3.579.065.512	
Ngân sách tỉnh	3.579.065.512	

b) Tổng các khoản công nợ tính đến thời điểm thẩm tra:

Trong đó - Nợ phải thu: 0 đồng
- Nợ phải trả: 0 đồng

(Chi tiết có Phụ lục II kèm theo)

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản:

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản cố định (đồng)	Tài sản lưu động (đồng)
UBND thị xã Đức Phổ	3.579.065.512	0

3. UBND thị xã Đức Phổ (chủ đầu tư) chịu trách nhiệm phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện các nội dung theo Báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán công trình hoàn thành số 244/BC-STC ngày 11/10/2022 của Sở Tài chính và nội dung quyết toán chi phí hoàn thành được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND thị xã Đức Phổ và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, KT-TH, CB-TH;
- Lưu: VT, KTN (Vũ 1042).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Hoàng Tuấn

PHỤ LỤC SỐ 1

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ ĐẦU TƯ ĐƯỢC QUYẾT TOÁN

Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Trung tâm đô thị Phố Quang, thị xã Đức Phổ

(Kèm theo Quyết định số 435/QĐ-UBND ngày 19/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: đồng

STT	CƠ CẤU	Giá trị dự toán được duyệt/hợp đồng	Giá trị Chủ đầu tư đề nghị	Giá trị quyết toán	Tăng (+), giảm (-) so với dự toán	Tăng (+), giảm (-) so với số đơn vị
I	Lập đồ án quy hoạch + khảo sát	2.569.532.000	2.569.532.000	2.569.532.000	0	0
II	Chi phí liên quan đến quá trình lập đồ án quy hoạch	1.009.739.151	1.009.533.512	1.009.533.512	-205.639	0
1	Chi phí quản lý nghiệp vụ lập đồ án quy hoạch	95.592.163	95.592.000	95.592.000	-163	0
2	Thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch	124.136.519	124.136.512	124.136.512	-7	0
3	Chi phí công bố đồ án quy hoạch	49.367.617	49.250.000	49.250.000	-117.617	0
4	Lập nhiệm vụ quy hoạch và khảo sát	143.651.357	143.651.000	143.651.000	-357	0
5	Lấy ý kiến cộng đồng	32.911.745	32.825.000	32.825.000	-86.745	0
6	Giám sát khảo sát	31.029.070	31.029.000	31.029.000	-70	0
7	Lập HSMT và đánh giá HSDT	19.059.680	19.059.000	19.059.000	-680	0
8	Cắm mốc giới quy hoạch	489.215.000	489.215.000	489.215.000	0	0
9	Lập nhiệm vụ và hồ sơ cắm mốc giới quy hoạch	10.510.000	10.510.000	10.510.000	0	0
10	Giám sát công tác triển khai cắm mốc giới ngoài thực địa đồ án quy hoạch	14.266.000	14.266.000	14.266.000	0	0
III	Dự phòng	163.121.849	0	0	-163.121.849	0
IV	Tổng cộng	3.742.393.000	3.579.065.512	3.579.065.512	-163.327.488	0

PHỤ LỤC SỐ II
BẢNG CÔNG NỢ

Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Trung tâm đô thị Phố Quang, thị xã Đức Phổ

(Kèm theo Quyết định số 443/QĐ-UBND ngày 19/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: đồng



STT	Đơn vị	Nội dung	Giá trị quyết toán	Số vốn thanh toán cho dự án	Công nợ đến thời điểm thẩm tra	
					Phải thu (-)	Phải trả (+)
I		Lập đồ án quy hoạch + khảo sát	2.569.532.000	2.569.532.000	0	0
I	Công ty Cổ phần phát triển đô thị ANGKORA	Lập đồ án quy hoạch + khảo sát	2.569.532.000	2.569.532.000	0	0
II		Chi phí liên quan đến quá trình lập đồ án quy hoạch	1.009.533.512	1.009.533.512	0	0
I	Phòng Quản lý đô thị thị xã Đức Phổ	Chi phí quản lý nghiệp vụ lập đồ án quy hoạch	95.592.000	95.592.000	0	0
2	Sở Xây dựng Quảng Ngãi	Thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch	124.136.512	124.136.512	0	0
3	Cơ sở Kiến Vàng	Chi phí công bố đồ án quy hoạch	49.250.000	49.250.000	0	0
4	Công ty Cổ phần tư vấn và xây dựng công trình Thiên Phúc	Lập nhiệm vụ quy hoạch và khảo sát	143.651.000	143.651.000	0	0
5	Phòng Quản lý đô thị thị xã Đức Phổ	Lấy ý kiến cộng đồng	32.825.000	32.825.000	0	0
6	Công ty Cổ phần khảo sát - thiết kế kiểm định công trình SC	Giám sát khảo sát	31.029.000	31.029.000	0	0

STT	Đơn vị	Nội dung	Giá trị quyết toán	Số vốn thanh toán cho dự án	Công nợ đến thời điểm thẩm tra	
					Phải thu (-)	Phải trả (+)
7	Công ty TNHH tư vấn và xây dựng Nhật Bảo An	Lập HSMT và đánh giá HSDT	19.059.000	19.059.000	0	0
8	Công ty Cổ phần phát triển đô thị ANGKORA	Cắm mốc giới quy hoạch	489.215.000	489.215.000	0	0
9	Công ty Cổ phần khảo sát - thiết kế kiểm định công trình SC	Lập nhiệm vụ và hồ sơ cắm mốc giới quy hoạch	10.510.000	10.510.000	0	0
10	Công ty Cổ phần khảo sát - thiết kế kiểm định công trình SC	Giám sát công tác triển khai cắm mốc giới ngoài thực địa đồ án quy hoạch	14.266.000	14.266.000	0	0
III	Tổng cộng		3.579.065.512	3.579.065.512	0	0